CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa

Ngày 31/12/2025	600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q4/25
4.38
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.08| 1.8%
YoY: ▲ 0.56| 14.6%

LN thuần
Q4/25
-2.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.07| -2.9%
YoY: ▲ 1.32| 35.5%

LN sau thuế
Q4/25
-2.42
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.02| -0.7%
YoY: ▲ 1.32| 35.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
-69.4%
YoY: +/-▲ 48.9%

ROE
2025
-17.7%
YoY: +/-▲ 12.9%

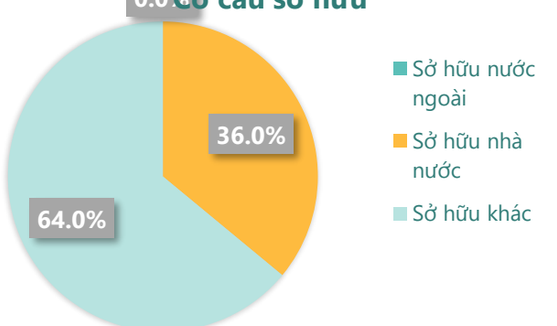
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	500 - 1,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13
Số lượng CPLH (CP)	21,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	355
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.07
EPS	-433
P/E	-1.4

DT thuần
2025
13.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00| -23.3%

LN thuần
2025
-8.94
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.2| 55.6%

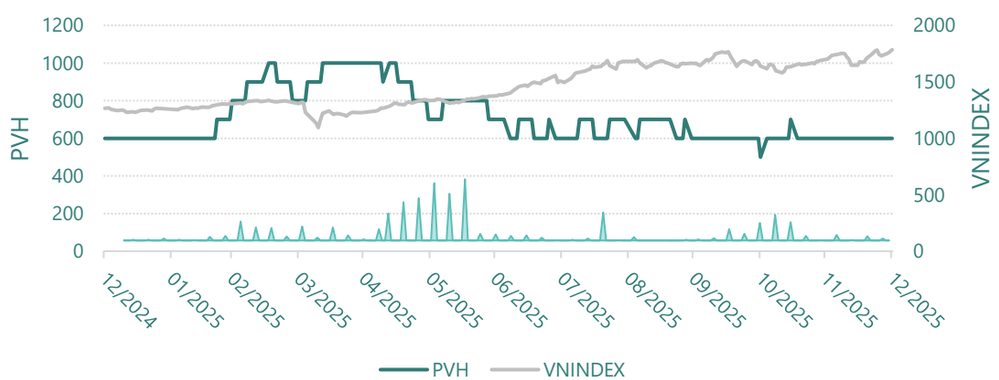
LN sau thuế
2025
-9.10
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.1| 55.0%

Cơ cấu sở hữu

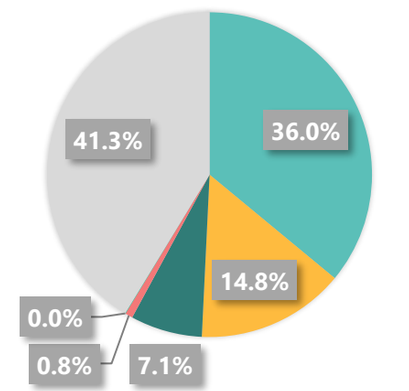


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



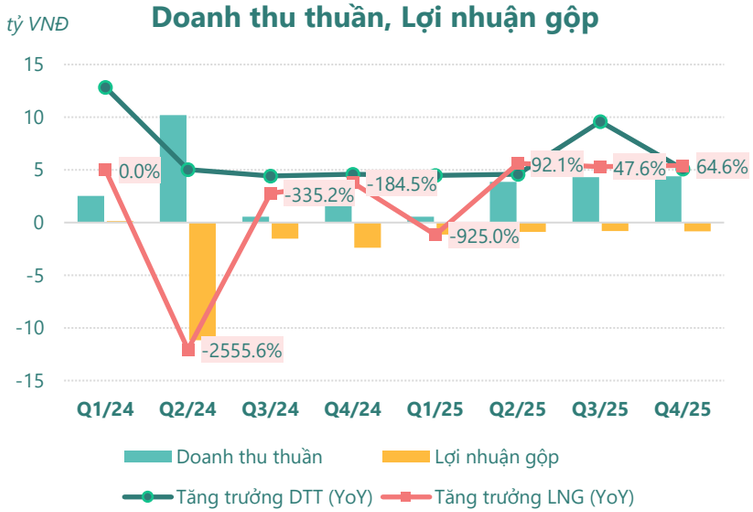
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

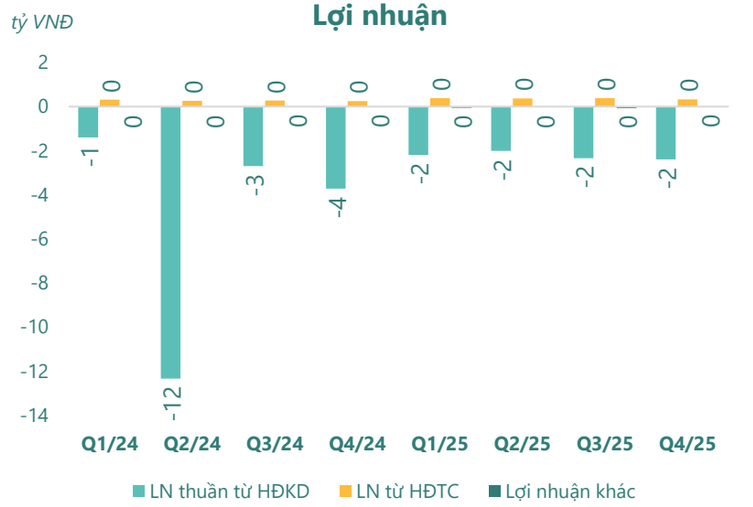
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



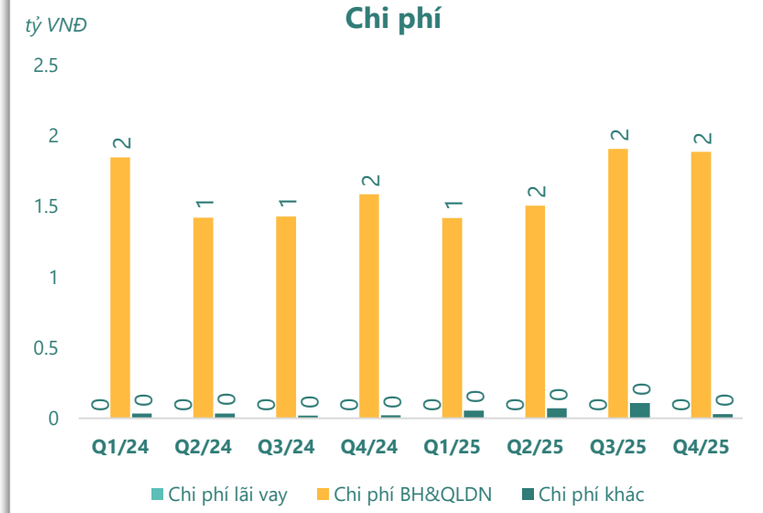
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



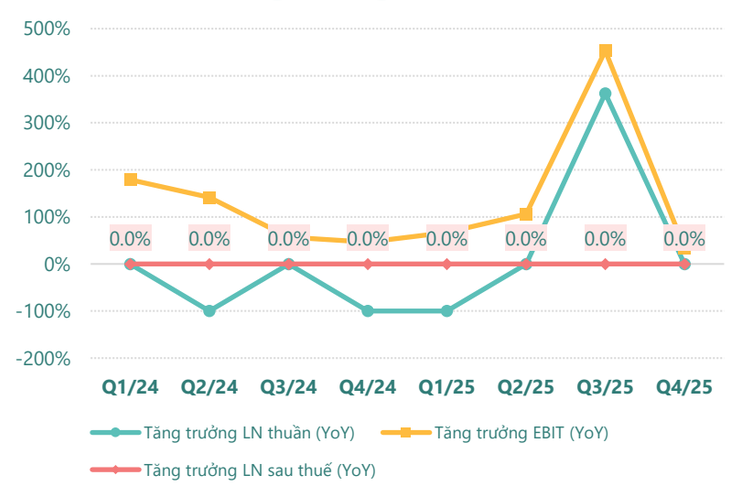
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



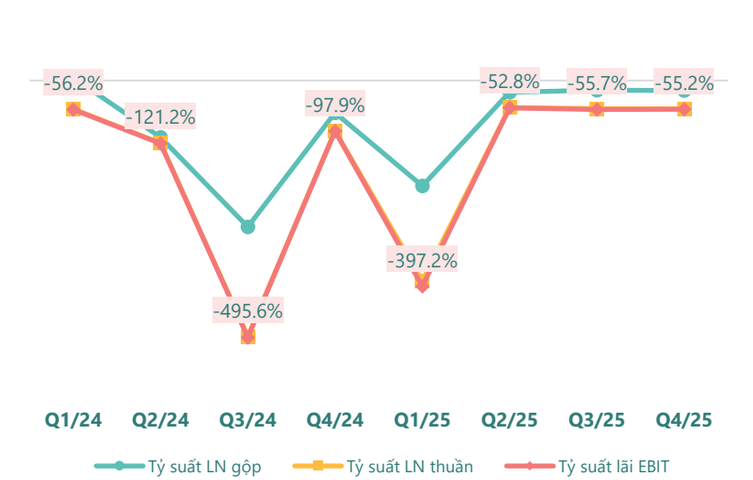
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



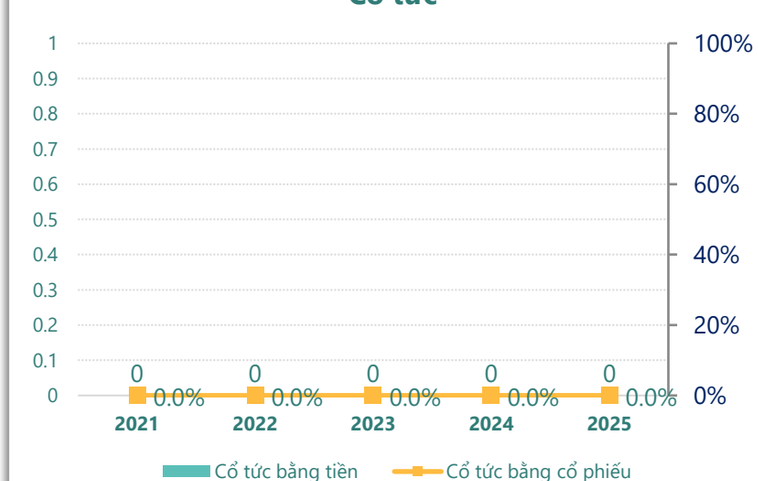
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

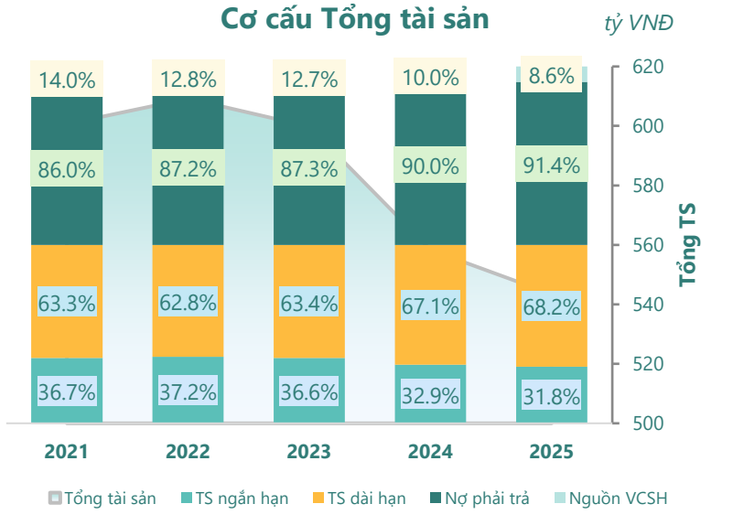
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

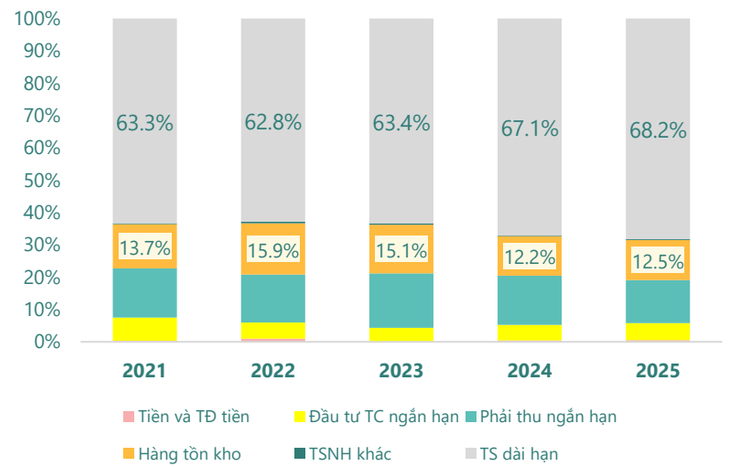
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



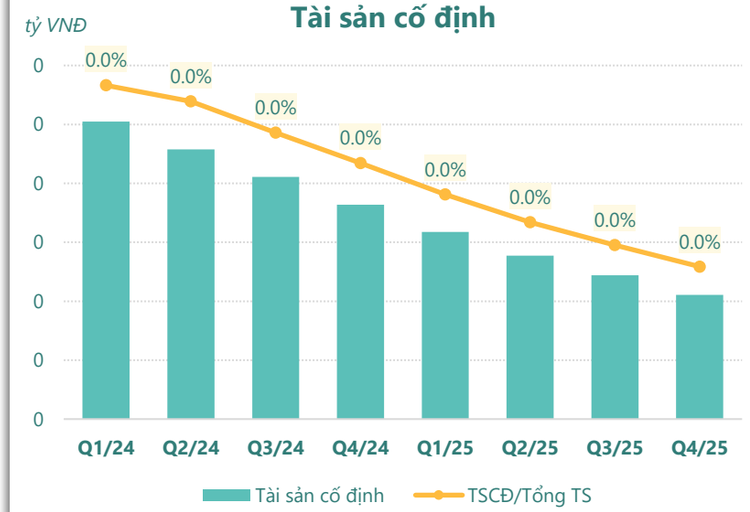
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



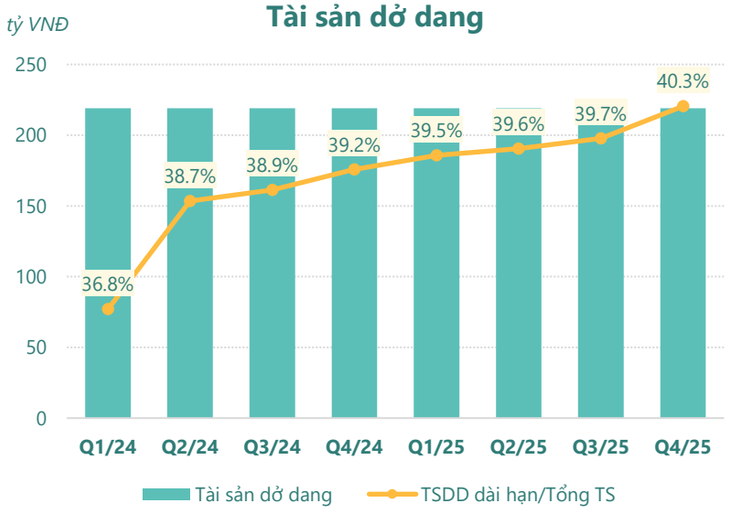
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



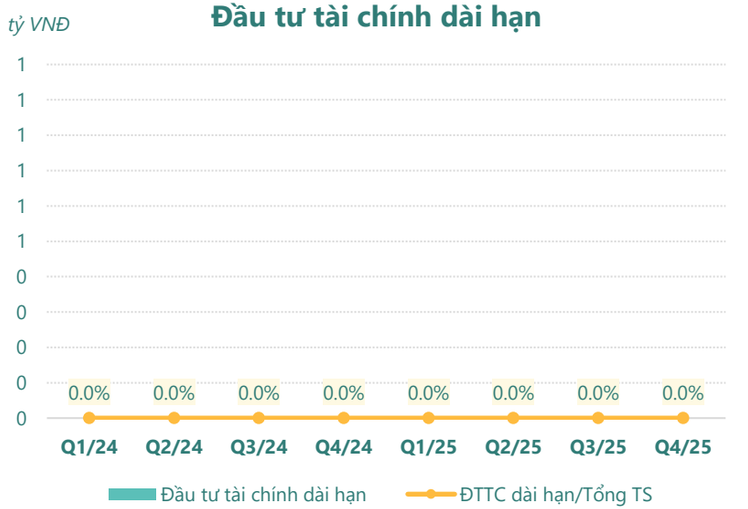
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



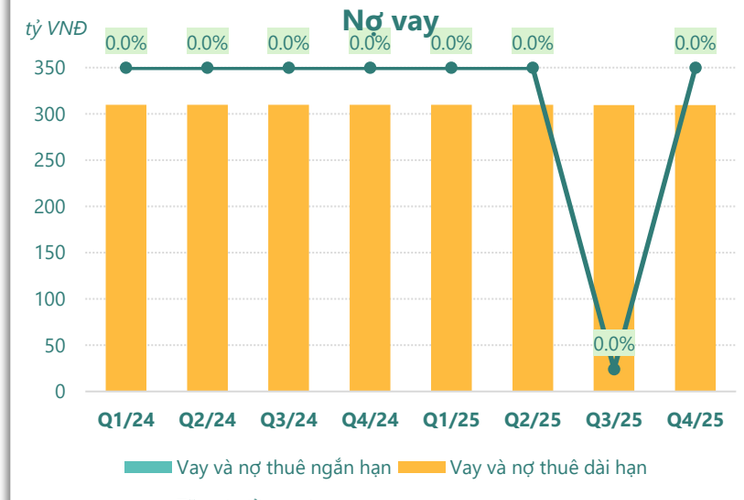
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

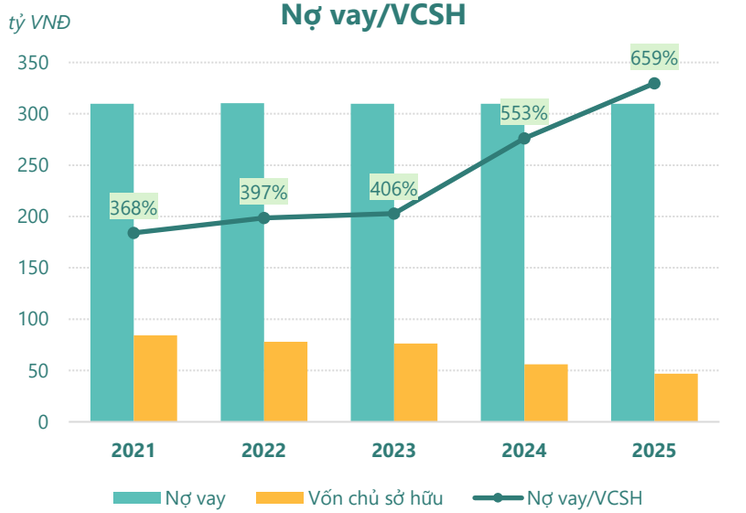
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

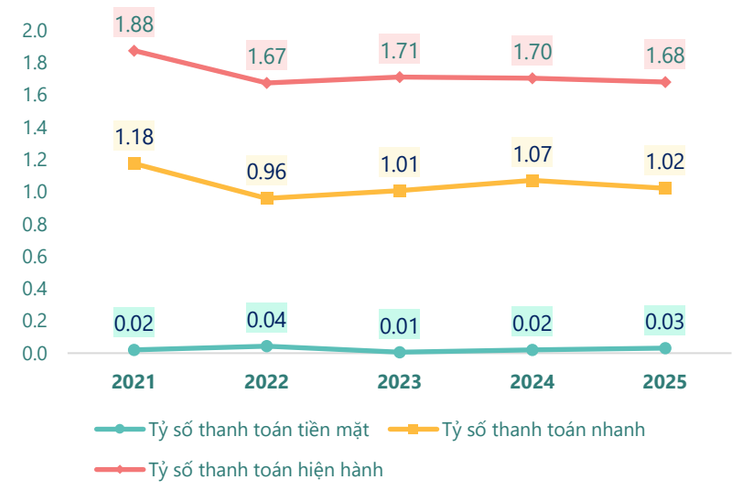
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



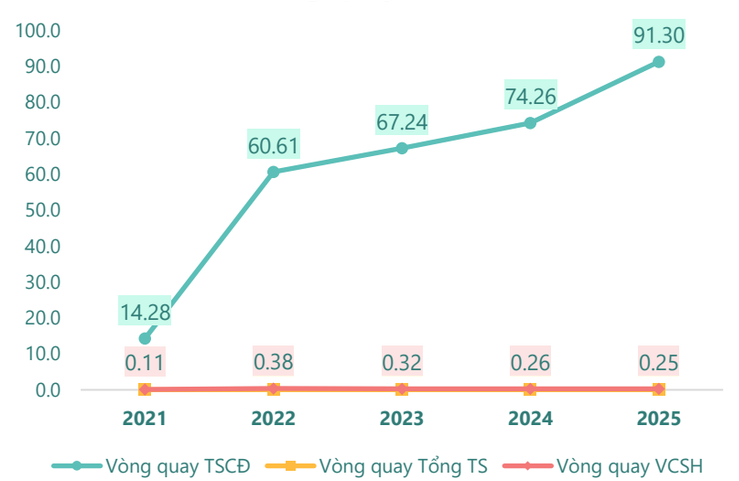
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



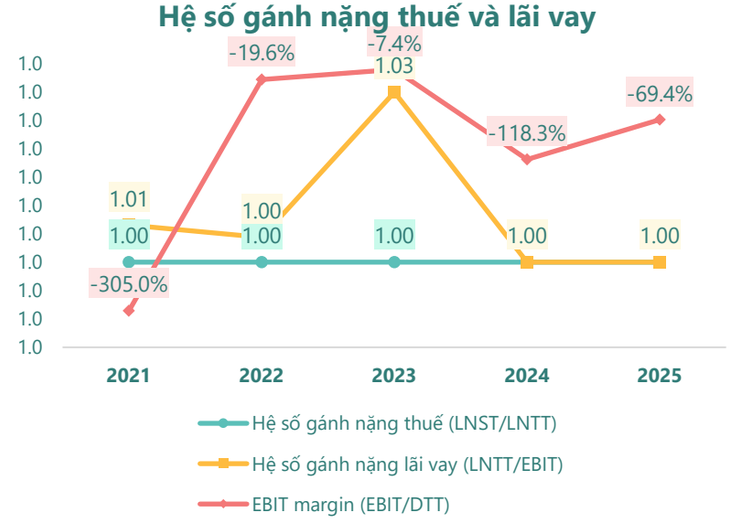
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



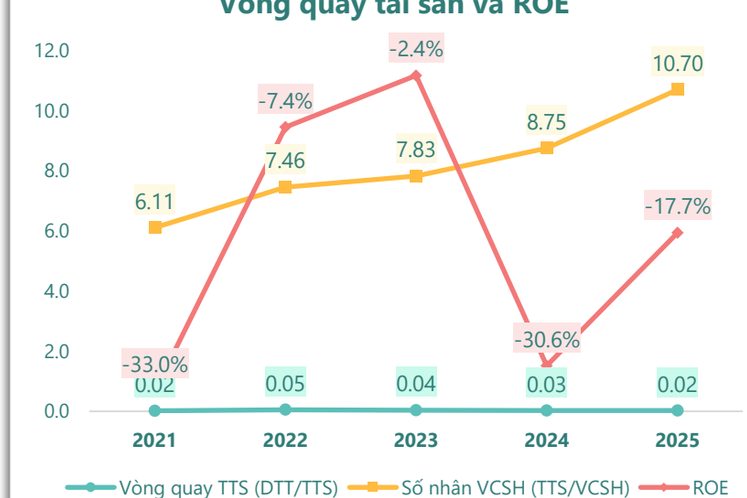
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



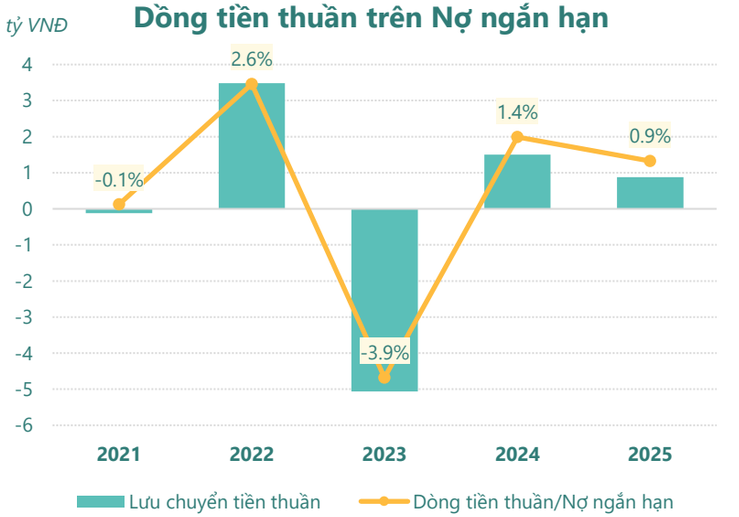
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**4.38**	**3.82**	**14.6%**	**13.1**	**17.1**	**-23.3%**
Giá vốn hàng bán	5.22	6.21	-15.9%	16.8	32.1	-47.6%
Lợi nhuận gộp	-0.84	-2.38	64.5%	-3.68	-15.0	75.4%
Doanh thu HĐTC	0.34	0.25	34.0%	1.47	1.11	32.7%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.23	0.00		0.69	0	
Chi phí QLDN	**1.66**	**1.59**	**4.5%**	**6.03**	**6.29**	**-4.2%**
LN thuần từ HĐKD	-2.40	-3.72	35.5%	-8.94	-20.1	55.6%
Lợi nhuận khác	**-0.02**	**-0.02**	**3.1%**	**-0.17**	**-0.10**	**-72.4%**
LN trước thuế	-2.42	-3.74	35.4%	-9.10	-20.2	55.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.42**	**-3.74**	**35.4%**	**-9.10**	**-20.2**	**55.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.42**	**-3.74**	**35.4%**	**-9.10**	**-20.2**	**55.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.78	2.57	0.99	-2.57	0.09	1.99
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-1.42	-1.49	2.81	0.00	-0.96
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.36	1.14	2.28	1.79	2.03	2.13
Lưu chuyển tiền thuần	**0.78**	**1.14**	**-0.50**	**0.24**	**0.10**	**1.03**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.14	2.28	1.79	2.03	2.13	3.16

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**543**	**558**	**-2.7%**
Tài sản ngắn hạn	173	184	-6.0%
Tiền và tương đương tiền	3.16	2.28	38.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.1	27.0	4.0%
Phải thu ngắn hạn	72.3	84.9	-14.8%
Hàng tồn kho	67.7	68.2	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.34	1.23	9.5%
Tài sản dài hạn	**371**	**375**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	105	106	-0.3%
Tài sản cố định	0.11	0.18	-42.0%
Bất động sản đầu tư	42.1	43.8	-4.0%
Tài sản dở dang	219	219	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**4.32**	**6.08**	**-28.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	497	502	-1.1%
Nợ ngắn hạn	**103**	**108**	**-4.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	12.7	16.3	-22.4%
Nợ dài hạn	394	394	-0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	310	310	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**47.0**	**56.1**	**-16.2%**
Vốn chủ sở hữu	**47.0**	**56.1**	**-16.2%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)